TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày 06/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Tuân và ông Nguyễn Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tân Hợp - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 27/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 23/10/2019 đối với các bị cáo:

1. **LÊ VĂN T**, sinh năm: 1989.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã NT, huyện VG, tỉnh HY. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Văn B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2019. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **NGUYỄN MẠNH B**, sinh năm: 1996.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã NT, huyện VG, tỉnh HY. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên bố: Không có. Con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2019. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* ***Bị hại***: Ủy ban nhân dân xã NT.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn G - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1969. Chức vụ: Trưởng thôn 4, xã NT, huyện VG, tỉnh HY.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1965

Trú tại: Thôn 4, xã NT, huyện VG, tỉnh HY.

* ***<u>Người làm chứng</u>***:

- Anh Trần Ngọc T, sinh năm 2000
- Anh Đào Xuân H, sinh năm 1991
- Ông Đào Văn T, sinh năm 1973

Đều trú tại: Thôn 2, xã NT, huyện VG, tỉnh HY.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1950
- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1954
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958

Đều Trú tại: Thôn 4, xã NT, huyện VG, tỉnh HY.

- Ông Chu Xuân V, sinh năm 1965

Trú tại: Thôn T, xã NT, huyện VG, tỉnh HY.

- Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn T, xã TT, huyện VL, tỉnh HY.

Tại phiên tòa: Ông C và bà L có mặt. Ông T, bà N, anh T, anh H, ông T, ông T, ông V và bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/6/2019 Lê Văn T phát hiện cửa ngách phía dưới Nhà văn hoá thôn 4, xã NT, huyện VG bị vỡ, thủng một miếng gỗ có kích thước (86 x 42)cm nên T nhìn qua miếng gỗ bị thủng thấy trên bục phát biểu có để 02 chiếc amply và 01 chiếc micro. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T sang nhà Nguyễn Mạnh B là người cùng thôn rủ B cùng trộm cắp 02 chiếc amply và 01 chiếc micro, B đồng ý. B điều khiển xe máy Honda Dream, màu nâu biển số 89H7-8980 chở T đến cổng nhà văn hóa thôn 4, T vào bên trong còn B đứng ngoài đợi. T đi bộ đến cửa ngách, chui qua phần miếng gỗ bị thủng vào bên trong đi đến bục phát biểu bê 02 chiếc amply và 01 chiếc micro có dây ra chỗ cửa ngách, T đặt 2 chiếc amply và 01 chiếc micro xuống nền nhà và chui người ra trước, sau đó dùng tay kéo 02 chiếc amply và 01 chiếc micro ra sau. T bê 2 chiếc amply và 01 chiếc micro ra ngoài cổng và nói B chở đi tìm nơi cất giấu. B điều khiển xe chở T đi về phía thôn T, xã NT, khi đến gần khu vực rìa sông BH thì T nói B dừng xe rồi bê 2 chiếc amply và 01 chiếc micro đi cất giấu vào một bụi chuối ở rìa sông. Sau đó cả hai đi về nhà. Khoảng 01 giờ sáng ngày 17/6/2019 T gặp Trần Ngọc T và Đào Xuân H, T nhờ Trần Ngọc T sau đó nhờ Đào Xuân H chở đến nơi cất giấu 02 chiếc amply và 01 chiếc micro, T nói tài sản của gia đình, nhờ Trâng Ngọc T và Đào Xuân H tìm nơi bán hộ. Đến khoảng 19 giờ ngày 17/6/2019 T đi ra nơi cất giấu amply và micro thì không thấy đâu nữa.

Ngày 15/6/2019 ông Trần Đình T là trưởng thôn 4, xã NT phát hiện mất tài sản và làm đơn trình báo gửi Công an xã NT.

Ngày 18/6/2019 Lê Văn T làm đơn ra đầu thú tại công an xã NT và khai báo sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe Honda Dream, màu nâu, biển số 89H7-8980, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 89H7-8980 mang tên Nguyễn Thanh L.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã tiến hành rà soát và ra thông báo truy tìm vật chứng đối với 02 chiếc amply và 01 chiếc micro nhưng chưa tìm được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 24/BKL-ĐGTS ngày 03/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Giang kết luận: 01 amply, màu đen, đã cũ, nhãn hiệu Viet Tronic EA-200 trị giá 3.700.000đ; 01 amply, màu đen, đã cũ nhãn hiệu Jarguar Việt trị giá 2.000.000đ; 01 micro, có dây đã cũ trị giá 300.000đ. Tổng giá trị tài sản là 6.000.000đ.

Đối với chiếc xe Honda Dream, màu nâu, biển số 89H7-8980 quá trình điều tra xác định bà Nguyễn Thị N (mẹ B) là chủ sở hữu hợp pháp và không biết B dùng xe để đi trộm cắp tài sản. Ngày 27/8/2019 Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe và giấy đăng ký xe cho bà N, bà N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Ông Trần Đình T trưởng thôn 4, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã NT yêu cầu T và B phải bồi thường số tiền 7.000.000đ.

Đối với Trần Ngọc T, Đào Xuân H được T nhờ tìm chỗ bán 02 chiếc amply và 01 chiếc micro nhưng chưa bán được thì bị mất. Trần Ngọc H và Đào Xuân T không biết là tài sản do T và B trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh điều tra Công an huyện Văn Giang không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Ngọc H và Đào Xuân T.

Tại bản cáo trạng số: 31/QĐ-VKS-HS ngày 26/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Mạnh B về tội "***Trộm cắp tài sản***" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 05/11/2019 bị cáo T và B tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường số tiền 7.000.000đ cho ông Trần Đình T. Ông T nhận đủ tiền và có giấy biên nhận, đồng thời đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Mạnh B đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tỏ quan điểm: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng:

Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm b-h-i-r-s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm b-h-i-s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Mạnh B đều phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt: Bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Bị cáo B từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01

năm 06 tháng đến 02 năm.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả của các bị cáo T, B và đại diện bị hại. Nay các bên không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

Vật chứng: Bà N không biết việc bị cáo B dùng xe máy của bà để dùng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra bà N đã nhận lại chiếc xe máy cùng đăng ký xe và không đề nghị gì nên không xem xét gải quyết.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo không tranh luận gì. Khi được nói lời sau cùng, cả hai bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo, đúng pháp luật.

[2]. Chứng cứ xác định có tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với nhau, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp khách quan với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập như: Đơn trình báo của đại diện bị hại; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng; Biên bản và sơ đồ chỉ dẫn của bị cáo T; Lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng đã được thu giữ là chiếc xe máy Honda Dream biển số 89H7-8980.

Do đó Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 14/6/2019, tại Nhà văn hóa thôn 4, xã NT, huyện VG, tỉnh HY, Lê Văn T và Nguyễn Mạnh B đã trộm cắp 02 chiếc amply và 01 chiếc micro đã qua sử dụng của Ủy ban nhân dân xã NT, trị giá là 6.000.000đ mang đi cất giấu và chưa kịp tiêu thụ thì bị mất.

Đối với Trần Ngọc T, Đào Xuân H được bị cáo T nhờ tìm người tiêu thụ tài sản nhưng Trần Ngọc T và Đào Xuân H đều không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có và chưa kịp tiêu thụ thì bị mất. Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối Trần Ngọc T và Đào Xuân H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của bị cáo T và B đã đủ yếu tố cấu thành tội "***Trộm cắp tài sản***". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội "***Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiên tiêu sài cá nhân là vi phạm pháp luật. Chỉ vì đua đòi, ham chơi, lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo đã phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cơ quan, tổ chức đây là khách thể được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, gây hoang mang lo lắng đối với những cá nhân, cơ quan, tổ chức có tài sản trong việc trông coi cất giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xét xử nghiêm minh và quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với vị trí vai trò của từng bị cáo cũng như tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án có đồng phạm tham gia nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo T là người khởi xướng, chủ động rủ bị cáo B cùng trộm cắp tài sản, và trực tiếp thực hiện tội phạm một cách tích cực, mang tài sản trộm cắp đi cất giấu sau đó tìm người tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có. Đối với bị cáo B, sau khi được bị cáo T rủ rê đã tiếp nhận ý trí và sử dụng xe máy của mẹ bị cáo để chở bị cáo T đi trộm cắp, chở bị cáo T vận chuyển cất giấu tài sản do trộm cắp mà có. Nên bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo B giữ vai trò giúp sức. Do đó HĐXX sẽ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo B.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX có xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để giảm một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, cả 2 bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thật sự ăn năn hối cải; tài sản do các bị cáo trộm cắp có giá trị là 6.000.000đ nên thuộc trường hợp "*gây thiệt hại không lớn*"; tại quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả là 7.000.000đ và đại diện bị hại có văn bản xác nhận, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương; lần phạm tội này của các bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hai bị cáo đơn xin cải tạo tại địa phương và trình bày hoàn cảnh gia đình, đơn của các bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s-h-b-i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS mà các bị cáo được hưởng nên cần áp dụng.

Riêng đối với bị cáo T, trước khi cơ quan điều tra phát hiện ra bị cáo trộm cắp tài sản thì bị cáo tự nguyện ra trình diện và khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Người phạm tội tự thú*" quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4]. Về áp dụng hình phạt:

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo B, nhưng bị cáo T là người giữ vai trò chính trong vụ án, nên HĐXX quyết định mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo B có như vậy mới đảm bảo.

Bị cáo T và B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng và thu nhập cá nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe máy Honda Dream, biển số 89H7-8980 bị cáo B sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nhưng chủ sở hữu hợp pháp là bà N (mẹ bị cáo B) không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại bà N và nay bà N không thắc mắc đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

- Đối với tài sản các bị cáo trộm cắp gồm 02 bộ amply, 01 micro: Các bị cáo chưa kịp tiêu thụ thì bị mất, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn xem xét giải quyết.

- Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và đại diện bị hại đã tự nguyện bồi thường và nhận bồi thường xong, nay các bên không có đề nghị gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điều 17; điều 58; điểm b-h-i-r-s khoản 1, khoản 2 điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T.

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điều 17; điều 58; điểm b-h-i-s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh B.

2/. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Mạnh B đều phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

3/. ***Mức hình phạt***:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/11/2019.

Giao bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Mạnh B cho Ủy ban nhân dân xã NT, huyện VG, tỉnh HY nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4/. ***Về hình phạt bổ sung***: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5/. ***Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:*** Không xem xét giải quyết.

6/. ***Án phí***: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Mạnh B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt đại diện bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho người đại diện bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên.*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang.*
- *Công an huyện Văn Giang.*
- *Chi cục T.H.A.DS huyện Văn Giang.*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tiến Trung